



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2018)</i>
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2018)</i>

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát
	<i>(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>

**Trụ sở đăng ký**

236/106/1A Điện Biên Phủ  
Phường 17, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám Đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-127-SX-R



Wang Toun Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140)</b>	<b>100</b>		<b>291.437.503.578</b>	<b>164.731.208.740</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>174.800.197.067</b>	<b>59.204.451.850</b>
Tiền	111		84.800.197.067	59.204.451.850
Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>68.112.095.877</b>	<b>56.318.913.016</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	30.031.751.935	17.445.828.498
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	19.295.245.361	20.392.318.987
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	18.785.098.581	18.480.765.531
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>48.525.210.634</b>	<b>49.207.843.874</b>
Hàng tồn kho	141		49.259.534.463	49.942.167.703
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(734.323.829)	(734.323.829)
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>1.300.808.705.584</b>	<b>1.432.374.136.634</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.391.204.000</b>	<b>1.391.204.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.129.228.771.566</b>	<b>1.278.910.631.472</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.103.736.311.586	1.253.111.669.244
Nguyên giá	222		3.939.798.687.222	3.939.798.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.836.062.375.636)	(2.686.687.017.978)
Tài sản cố định vô hình	227	14	25.492.459.980	25.798.962.228
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.758.520.231)	(2.452.017.983)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.638.087.722</b>	<b>3.521.658.866</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	21.638.087.722	3.521.658.866
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>148.550.642.296</b>	<b>148.550.642.296</b>
Đầu tư vào công ty con	251		135.000.000.000	135.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(50.949.357.704)	(50.949.357.704)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.592.246.209.162</b>	<b>1.597.105.345.374</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>498.491.742.735</b>	<b>462.945.518.441</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>273.367.889.235</b>	<b>222.295.881.941</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311 17	27.682.419.492	11.830.602.175
Thuế phải nộp Nhà nước	313 18	14.544.292.268	12.416.740.718
Phải trả người lao động	314	21.677.862.820	25.451.423.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 19	13.777.310.023	8.212.844.687
Phải trả ngắn hạn khác	319 20	43.917.163.785	5.499.424.840
Vay ngắn hạn	320 21	100.021.566.000	133.359.066.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321 22	38.933.255.149	20.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	12.814.019.698	5.525.779.698
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>225.123.853.500</b>	<b>240.649.636.500</b>
Vay dài hạn	338 21	225.123.853.500	240.649.636.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>1.093.754.466.427</b>	<b>1.134.159.826.933</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 23</b>	<b>1.093.754.466.427</b>	<b>1.134.159.826.933</b>
Vốn cổ phần	411 24	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415	(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418	250.991.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	55.891.520.871	96.296.881.377
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	9.036.881.977	1.814.299.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	46.854.638.894	94.482.581.610
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>1.592.246.209.162</b>	<b>1.597.105.345.374</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

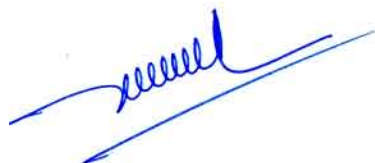
**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>428.911.076.783</b>	<b>391.705.014.422</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>332.956.077.548</b>	<b>312.880.450.844</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>95.954.999.235</b>	<b>78.824.563.578</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	2.042.118.826	965.470.968
Chi phí tài chính	22	30	14.888.703.422	15.969.312.124
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.168.231.845</i>	<i>15.802.618.455</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20.380.601.198	18.179.793.038
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>62.727.813.441</b>	<b>45.640.929.384</b>
Thu nhập khác	31		-	5.203.673.202
Chi phí khác	32	31	3.784.425.378	1.110.712.025
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.784.425.378)</b>	<b>4.092.961.177</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>58.943.388.063</b>	<b>49.733.890.561</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>12.088.749.169</b>	<b>10.000.572.039</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>46.854.638.894</b>	<b>39.733.318.522</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>58.943.388.063</b>	<b>49.733.890.561</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		149.681.859.906	149.858.883.906
Các khoản dự phòng	03		18.933.255.149	28.831.539.587
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		687.624.244	(139.457.432)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.994.944.087)	(379.913.260)
Chi phí lãi vay	06		14.168.231.845	15.802.618.455
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>240.419.415.120</b>	<b>243.707.561.817</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(14.159.332.306)	(208.559.934.674)
Biến động hàng tồn kho	10		682.633.240	(1.001.831.489)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		7.909.045.512	6.878.875.460
Biến động chi phí trả trước	12		-	6.649.911
			<b>234.851.761.566</b>	<b>41.031.321.025</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.982.599.356)	(17.609.109.661)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.057.638.808)	(11.849.970.225)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.366.250.000)	(1.727.865.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>205.445.273.402</b>	<b>9.844.376.139</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.777.753.638)	(60.454.554)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.994.944.087	8.046.197.589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.782.809.551)</b>	<b>7.985.743.035</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	114.073.120.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.628.283.000)	(115.392.650.715)
Tiền trả cổ tức	36		(33.474.729.300)	(28.583.846.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(83.103.012.300)</b>	<b>(29.903.376.970)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>115.559.451.551</b>	<b>(12.073.257.796)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		59.204.451.850	30.737.565.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.293.666	186.652
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>174.800.197.067</b>	<b>18.664.494.398</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Nhân Tri  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 352 nhân viên (1/1/2018: 344 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 7 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 7 năm  |

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	304.469.593	193.028.942
Tiền gửi ngân hàng	84.495.727.474	59.011.422.908
Các khoản tương đương tiền	90.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	174.800.197.067	59.204.451.850
	<hr/>	<hr/>

**9. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.814.359.775	11.375.949.136
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	20.721.801.418	5.706.111.098
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.495.590.742	363.768.264
	<hr/>	<hr/>
	30.031.751.935	17.445.828.498
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

**10. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước hợp đồng xây dựng văn phòng	15.705.362.401	18.114.143.000
Trả trước khác	3.589.882.960	2.278.175.987
	<hr/>	<hr/>
	19.295.245.361	20.392.318.987
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	6.879.106.319	8.805.478.154
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	6.879.106.319	6.879.106.319
▪ Phải thu về các khoản chi hộ	-	1.926.371.835
Khoản chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	6.305.558.688	974.259.572
Phải thu về lợi nhuận được chia - Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	1.436.325.248	1.436.325.248
Tạm ứng cho người lao động	1.658.939.568	1.355.901.878
Các khoản phải thu khác	2.505.168.758	5.908.800.679
	18.785.098.581	18.480.765.531

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

**12. Hàng tồn kho**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	49.105.565.852	(734.323.829)	47.679.747.689	(734.323.829)
Công cụ và dụng cụ	153.968.611	-	152.790.185	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.109.629.829	-
	49.259.534.463	(734.323.829)	49.942.167.703	(734.323.829)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	734.323.829	109.425.242
Tăng dự phòng trong kỳ	-	624.898.587
Số dư cuối kỳ	734.323.829	734.323.829

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 734 triệu VND (1/1/2018: 734 triệu VND) phụ tùng và vật tư không còn sử dụng và dự kiến sẽ được thanh lý trong kỳ tới. Giá trị thuần có thể thực hiện được của số công cụ dụng cụ này được ước tính bằng 0.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	174.339.147	3.939.281.838.700	342.509.375	3.939.798.687.222
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	174.339.147	2.686.170.169.456	342.509.375	2.686.687.017.978
Khấu hao trong kỳ	-	149.375.357.658	-	149.375.357.658
Số dư cuối kỳ	174.339.147	2.835.545.527.114	342.509.375	2.836.062.375.636
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	-	1.253.111.669.244	-	1.253.111.669.244
Số dư cuối kỳ	-	1.103.736.311.586	-	1.103.736.311.586

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 676.732 triệu VND (1/1/2018: 727.794 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 6.415 triệu VND (1/1/2018: 6.414 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.452.017.983
Khấu hao trong kỳ	306.502.248
Số dư cuối kỳ	2.758.520.231
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	25.798.962.228
Số dư cuối kỳ	25.492.459.980

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.521.658.866	22.895.909.520
Tăng trong kỳ	18.116.428.856	16.843.361.956
Sử dụng quỹ dự phòng sửa chữa lớn	-	(23.960.567.070)
Số dư cuối kỳ	21.638.087.722	15.778.704.406

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2018				1/1/2018					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>										
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	120.000.000.000	(*)	100%	100%	120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	(*)	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
				<u>135.000.000.000</u>				<u>135.000.000.000</u>		
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>										
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	(*)	625.000	4,39%	53.500.000.000	(50.687.500.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng Không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(*)	600.000	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	(*)	500.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>				<u>64.500.000.000</u>	<u>(50.949.357.704)</u>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	10.571.117.486	-
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	2.786.248.850	4.046.314.800
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	388.762.968	4.103.378.023
Các nhà cung cấp khác	13.936.290.188	3.680.909.352
	<hr/>	<hr/>
	27.682.419.492	11.830.602.175

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	388.762.968	4.103.378.023
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	1.855.017.137	-
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	10.571.117.486	-
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	2.786.248.850	4.046.314.800
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	1.126.873.000	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	542.425.422	332.998.061
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	60.505.200	15.479.100
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Xăng dầu Khu vực 2	27.880.100	28.284.900

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.086.814.308	25.083.683.987	(25.129.165.300)	3.041.332.995
Thuế nhập khẩu	-	1.072.752.912	(1.072.752.912)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.947.620.602	12.088.749.169	(11.057.638.808)	9.978.730.963
Thuế thu nhập cá nhân	367.029.103	3.038.017.827	(3.326.052.417)	78.994.513
Các loại thuế khác	15.276.705	1.764.682.995	(334.725.903)	1.445.233.797
	<b>12.416.740.718</b>	<b>43.047.886.890</b>	<b>(40.920.335.340)</b>	<b>14.544.292.268</b>

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.665.418.146	4.479.790.605
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	2.872.279.090	1.297.376.562
Cảng phí	1.504.919.231	1.135.154.500
Chi phí công tác	1.746.514.286	-
Chi phí kiểm định tàu	1.081.436.956	-
Các khoản khác	2.906.742.314	1.300.523.020
	<b>13.777.310.023</b>	<b>8.212.844.687</b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	244.589.796	23.523.861
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	37.440.788.572	-
▪ <i>Cổ tức phải trả</i>	37.318.695.300	-
▪ <i>Phải trả tiền hao hụt hàng hóa</i>	122.093.272	-
Cổ tức phải trả cổ đông khác	1.065.959.660	879.384.860
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	460.000.000	-
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	562.357.500	313.200.000
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	940.977.926	889.637.518
Phải trả khác Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn – công ty liên quan	1.311.000.000	1.311.000.000
Kinh phí công đoàn	1.334.789.214	1.686.124.604
Chi phí khác	556.701.117	396.553.997
	<b>43.917.163.785</b>	<b>5.499.424.840</b>

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay**

	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ		Biến động trong kỳ		Lỗ chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ 30/6/2018 VND
	1/1/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND			
Vay dài hạn	374.008.702.500	-	(49.628.283.000)	765.000.000	325.145.419.500	
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(133.359.066.000)	(15.525.783.000)	49.628.283.000	(765.000.000)	(100.021.566.000)	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	240.649.636.500				225.123.853.500	



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	5,25%- 6,25%	2018	68.970.000.000	102.307.500.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	9,1%	2026	256.175.419.500	271.701.202.500
				325.145.419.500	374.008.702.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 676.732 triệu VND (1/1/2018: 727.794 triệu VND) (Thuyết minh 13).

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>Dự phòng sửa chữa lớn</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	20.000.000.000	51.638.549.201
Dự phòng lập trong kỳ	18.933.255.149	28.206.641.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(23.960.567.070)
Số dư cuối kỳ	38.933.255.149	55.884.623.131

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	73.007.632.567	1.110.870.578.123
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	39.733.318.522	39.733.318.522
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.547.618.289	1.079.410.563.845
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	96.296.881.377	1.134.159.826.933
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	46.854.638.894	46.854.638.894
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.280.000.000)	(16.280.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	55.891.520.871	1.093.754.466.427

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## **25. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.350.828.000	2.701.656.000

---

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	139.776	3.203.650.563	294.377	6.672.046.092

---

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	76.982.801.870	80.323.060.491

---

**27. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu vận tải biển	423.140.760.619	386.129.497.924
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.770.316.164	5.575.516.498
	<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>
	428.911.076.783	391.705.014.422

---

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn vận tải biển	328.801.196.590	308.829.228.919
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.154.880.958	4.051.221.925
	<hr/>	<hr/>
	332.956.077.548	312.880.450.844

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Cổ tức được chia	1.250.200.000	-
Lãi tiền gửi	744.744.087	379.913.260
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.174.739	585.557.708
	<hr/>	<hr/>
	2.042.118.826	965.470.968

**30. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.168.231.845	15.802.618.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	720.471.577	166.693.669
	<hr/>	<hr/>
	14.888.703.422	15.969.312.124

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Khắc phục sự cố tàu	3.188.500.000	-
Các khoản khác	595.925.378	1.110.712.025
	<hr/>	<hr/>
	3.784.425.378	1.110.712.025
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	46.117.881.471	40.453.221.296
Chi phí nhân công	57.759.009.457	51.715.857.673
Chi phí khấu hao	149.681.859.906	149.858.883.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.762.290.013	30.502.356.399
Chi phí khác	49.906.008.070	56.841.425.958
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	12.088.749.169	10.000.572.039

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	58.943.388.063	49.733.890.561
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.788.677.613	9.946.778.112
Chi phí không được khấu trừ thuế	550.111.556	634.065.208
Thu nhập không bị tính thuế	(250.040.000)	(580.271.281)
	12.088.749.169	10.000.572.039

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	308.369.031.613	297.292.137.275
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.454.405.065	94.412.877.147
<b>Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.631.915.500	6.982.089.500
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.366.145.929	15.227.284.846
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.323.358.651	10.940.625.242
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.844.312.639	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.915.825.083	2.759.029.650
<b>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	200.408.594	232.218.000
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 2</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	151.905.452	152.706.725
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.024.430.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	2.168.820.000	2.303.400.000



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

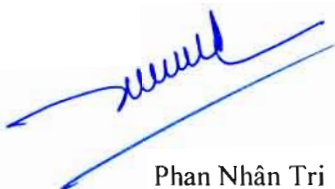
**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc